TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 444/2024/DS-PT
Ngày 22-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đức

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Phấn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2024/TLPT-DS ngày 04/7/2024 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2024/DS-ST ngày 03/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2585/2024/QĐ-PT ngày 17/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Châu P, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hồ Thị Ngọc T - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T (4), xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Cao Văn N, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Châu P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị

Châu P trình bày:

Bà Nguyễn Thị H là hụi viên có tham gia rất nhiều dây hụi do bà làm chủ. Việc chơi hụi các bên không có lập giấy tờ mà chủ hụi chỉ đánh máy bảng hợp đồng hụi, ghi mệnh giá, số lần khui, thời gian khui, số phần hụi, số điện thoại chủ hụi và phô tô phát cho các hụi viên. Bà làm chủ hụi có hưởng huê hồng. Các dây hụi bà H trực tiếp tham gia cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ 1: Khui ngày 02/4/2020 âm lịch, mệnh giá 2.000.000 đồng, dây hụi có 24 hụi viên, 27 phần. Bà H tham gia 01 phần. Dây hụi này bà H hốt đầu, chủ hụi giao tiền hụi đầy đủ. Sau khi hốt hụi bà H không có đóng hụi chết. Bà H còn nợ 26 phần hụi chết số tiền là 52.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 26 phần). Dây hụi mãn ngày 02/6/2022 âm lịch.

- Dây hụi thứ 2: Khui ngày 01/5/2020 âm lịch, mệnh giá 3.000.000 đồng, dây hụi có 24 hụi viên, 27 phần. Bà H tham gia 02 phần. Dây hụi này bà H bỏ thăm hốt đầu. Cùng ngày, bà có mua lại của bà H 01 phần hụi với số tiền 54.400.000 đồng (bằng với giá tiền hụi mà bà H hốt đầu), bà giao tiền mua hụi và giao tiền hụi hốt đầy đủ. Sau đó, bà H không có đóng hụi chết. Dây hụi này, bà H còn nợ 26 phần hụi chết chưa đóng số tiền là 156.000.000 đồng (3.000.000 đồng x 26 phần x 02 phần). Hụi mãn ngày 01/7/2022 âm lịch.

- Dây hụi thứ 3: Khui ngày 19/6/2020 âm lịch, mệnh giá 5.000.000 đồng, dây hụi có 23 hụi viên, 25 phần. Bà H tham gia 01 phần. Dây hụi này bà H bỏ thăm hốt đầu, chủ hụi giao tiền hụi đầy đủ. Cùng ngày khui hụi bà có chia lại cho bà H 01 phần hụi của bà (Chủ hụi) trong dây hụi cho bà H và mua lại phần hụi này của bà H với giá 81.500.000 đồng (bằng với giá tiền hụi mà bà H hốt đầu). Sau đó, bà H không có đóng hụi chết. Bà H còn nợ 24 phần hụi chết với số tiền 240.000.000 đồng (5.000.000 đồng x 24 phần x 02 phần). Hụi mãn vào ngày 19/6/2022 âm lịch.

- Dây hụi thứ 4: Khui ngày 16/7/2020 âm lịch, mệnh giá 5.000.000 đồng, dây hụi có 23 hụi viên, 26 phần. Bà H tham gia 01 phần, đóng được 01 kỳ khui hụi, đến lần khui thứ 02 (ngày 16/8/2020 âm lịch) bà H bỏ thăm hốt hụi và chủ hụi giao tiền hụi đầy đủ. Sau khi hốt hụi, bà H đóng được 17 kỳ hụi chết thì ngưng không đóng nữa. Bà H còn nợ 07 phần hụi chết với số tiền 35.000.000 đồng (5.000.000 đồng x 7 phần). Dây hụi đã mãn vào ngày 16/8/2022 âm lịch. Cũng trong dây hụi này bà có cho bà H mượn tiền hụi với số tiền 65.000.000 đồng và hứa đến ngày mãn hụi trả lại cho bà nhưng bà H không trả. Tổng số tiền hụi bà H nợ bà trong dây hụi này là 100.000.000 đồng (35.000.000 đồng + 65.000.000 đồng).

- Dây hụi thứ 5: Khui ngày 17/8/2020 âm lịch, mệnh giá 2.000.000 đồng, dây hụi có 25 hụi viên, 28 phần. Bà H tham gia 02 phần, đóng được 04 kỳ khui hụi, đến lần khui thứ 5 (ngày 17/12/2020 âm lịch) bà H bỏ thăm hốt 01 phần hụi và lần khui thứ 10 (ngày 17/5/2020 âm lịch) bà H bỏ thăm hốt phần hụi còn lại, chủ hụi giao tiền hụi đầy đủ. Sau khi hốt đủ 02 phần hụi, bà H đóng được 08 kỳ hụi chết thì ngưng không đóng nữa. Bà H còn nợ 10 phần hụi chết với số tiền 40.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 02 phần x 10 phần). Dây hụi đã mãn vào ngày 17/11/2022 âm lịch.

- Dây hụi thứ 6: Khui ngày 09/9/2020 âm lịch, mệnh giá 3.000.000 đồng, dây hụi có 21 hụi viên, 27 phần. Bà H tham gia 03 phần, bà H bỏ thăm hốt đầu, lần khui thứ 04 (ngày 09/12/2020 âm lịch) và lần khui thứ 07 (ngày 09/3/2021 âm lịch), chủ hụi giao tiền hụi đầy đủ. Sau khi hốt hết 03 phần hụi, bà H đóng được 10 kỳ hụi chết thì ngưng không đóng nữa. Bà H còn nợ 10 phần hụi chết với số tiền 90.000.000 đồng (3.000.000 đồng x 03 phần x 10 phần). Dây hụi đã mãn vào ngày 09/11/2022 âm lịch.

- Dây hụi thứ 7: Khui ngày 09/9/2020 âm lịch, mệnh giá 1.000.000 đồng, dây hụi có 27 hụi viên, 28 phần. Bà H tham gia 02 phần, bà H bỏ thăm hốt hụi ở lần khui thứ hai (ngày 09/10/2020 âm lịch) và lần khui thứ 7 (ngày 09/3/2021 âm lịch), chủ hụi giao tiền hụi đầy đủ. Sau khi hốt hết 02 phần hụi, bà H đóng được 10 kỳ hụi chết thì ngưng không đóng nữa. Bà H còn nợ 11 phần hụi chết với số tiền 22.000.000 đồng (1.000.000 đồng x 02 phần x 11 phần). Dây hụi đã mãn vào ngày 09/12/2022 âm lịch.

- Dây hụi thứ 8: Khui ngày 22/01/2021 âm lịch, mệnh giá 3.000.000 đồng, dây hụi có 25 hụi viên, 25 phần. Bà H không có tham gia mà mượn phần hụi của C hụi và hốt hụi với số tiền 58.000.000 đồng và hai bên thỏa thuận đến ngày mãn hụi bà H trả lại tiền hụi chết của 25 phần số tiền 75.000.000 đồng (25 phần x 3.000.000 đồng) nhưng bà H không thực hiện. Bà H còn nợ số tiền hụi là 75.000.000 đồng. Dây hụi đã mãn ngày 22/01/2023 âm lịch.

- Dây hụi thứ 9: Khui ngày 01/3/2021 âm lịch, mệnh giá 2.000.000 đồng, dây hụi có 27 hụi viên, 28 phần. Bà H tham gia 01 phần. Bà H đóng được 05 kỳ hụi sống, đến lần khui thứ 06 (ngày 01/8/2021 âm lịch) bà H bỏ thăm hốt hụi, chủ hụi giao tiền hụi đầy đủ. Bà H đóng được 05 kỳ hụi chết thì ngưng không đóng nữa. Bà H còn nợ 17 phần hụi chết số tiền 34.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 17 phần). Dây hụi đã mãn vào ngày 01/5/2023 âm lịch.

- Dây hụi thứ 10: Khui ngày 12/3/2021 âm lịch, mệnh giá 2.000.000 đồng, dây hụi có 27 hụi viên, 28 phần. Bà H tham gia 01 phần, bà H đóng được 02 kỳ hụi sống, đến lần khui thứ 03 (ngày 12/5/2021 âm lịch) bà H bỏ thăm hốt hụi, chủ hụi giao tiền hụi đầy đủ. Sau khi hốt hụi, bà H đóng được 08 kỳ hụi chết thì ngưng không đóng nữa. Bà H còn nợ 17 phần hụi chết với số tiền 34.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 17 phần). Dây hụi đã mãn vào ngày 12/5/2023 âm lịch.

- Dây hụi thứ 11: Khui ngày 05/4/2021 âm lịch, mệnh giá 1.000.000 đồng, dây hụi có 24 hụi viên, 28 phần. Bà H tham gia 03 phần, bà H bỏ thăm hốt hụi ở lần khui thứ thứ 2 (ngày 05/5/2021 âm lịch), lần khui thứ 3 (ngày 05/6/2021 âm lịch) và lần khui thứ 05 (ngày 5/8/2021 âm lịch), chủ hụi giao tiền hụi đầy đủ. Bà H đóng được 05 kỳ hụi chết thì ngưng không đóng nữa. Bà H còn nợ 18 phần hụi chết với số tiền 54.000.000 đồng (1.000.000 đồng x 18 phần x 3 phần). Dây hụi đã mãn vào ngày 05/6/2023 âm lịch.

- Dây hụi thứ 12**:** Khui ngày 19/4/2021 âm lịch, mệnh giá 3.000.000 đồng, dây hụi có 26 hụi viên, 28 phần. Bà H tham gia 01 phần, đóng được 02 kỳ hụi sống đến lần khui thứ 3 (ngày 19/6/2021 âm lịch) bà H bỏ thăm hốt hụi, chủ hụi giao tiền hụi đầy đủ. Sau khi hốt hụi, bà H đóng được 07 kỳ hụi chết thì ngưng không

đóng nữa. Bà H còn nợ 18 phần hụi chết với số tiền 54.000.000 đồng (3.000.000 đồng x 18 phần). Dây hụi đã mãn vào ngày 19/6/2023 âm lịch.

- Dây hụi thứ 13: Khui ngày 15/8/2021 âm lịch, mệnh giá 3.000.000 đồng, dây hụi có 26 hụi viên, 29 phần. Bà H tham gia 04 phần, bà H bỏ thăm hốt đầu, lần khui thứ 2 (ngày 15/9/2021 âm lịch), chủ hụi giao tiền hụi đầy đủ. Bà H đóng được 04 kỳ hụi chết thì ngưng không đóng hụi chết, 02 phần hụi còn lại bà H đóng được 06 kỳ hụi sống nhưng chưa hốt. Dây hụi này bà H còn nợ 23 phần hụi chết với số tiền 138.000.000 đồng (3.000.000 đồng x 02 phần x 23 phần). Dây hụi đã mãn vào ngày 15/10/2023 âm lịch.

- Dây hụi thứ 14: Khui ngày 17/8/2021 âm lịch, có mệnh giá 1.000.000 đồng, dây hụi có 21 hụi viên, 30 phần. Bà H tham gia 04 phần, bà H bỏ thăm hốt hụi ở lần khui thứ 5 (ngày 17/12/2021 âm lịch), chủ hụi giao tiền hụi đầy đủ. Bà H đóng được 01 phần hụi chết thì ngưng không đóng nữa, 03 phần hụi còn lại bà H đóng được 06 kỳ hụi sống nhưng chưa hốt. Dây hụi này bà H còn nợ 24 phần hụi chết chưa đóng số tiền 24.000.000 đồng (1.000.000 đồng x 24 phần). Dây hụi đã mãn vào ngày 17/12/2023 âm lịch.

- Dây hụi thứ 15: Khui ngày 22/9/2021 âm lịch, mệnh giá 5.000.000 đồng, dây hụi có 24 hụi viên, 25 phần. Bà H tham gia 01 phần, bà H bỏ thăm hốt đầu, chủ hụi giao tiền hụi đầy đủ. Sau khi hốt hụi, bà H đóng được 04 kỳ hụi chết thì ngưng không đóng nữa. Bà H còn nợ 20 phần hụi chết với số tiền 100.000.000 đồng (5.000.000 đồng x 20 phần). Dây hụi đã mãn vào ngày 22/8/2023 âm lịch.

- Dây hụi thứ 16: Khui ngày 05/10/2021 âm lịch, mệnh giá 2.000.000 đồng, dây hụi có 28 hụi viên, 29 phần. Bà H tham gia 01 phần, bà H bỏ thăm hốt hụi ở lần khui thứ 4 (ngày 05/01/2022 âm lịch), chủ hụi giao tiền hụi đầy đủ. Sau khi hốt hụi, bà H không có đóng hụi chết. Dây hụi này bà H còn nợ 25 phần hụi chết số tiền 50.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 25 phần). Dây hụi đã mãn vào ngày 05/01/2024 âm lịch.

- Dây hụi thứ 17: Khui ngày 25/10/2021 âm lịch, mệnh giá 1.000.000 đồng, dây hụi có 17 hụi viên, 24 phần, tháng khui 02 lần vào ngày 25/10/2021 và ngày 10/11/2021. Bà H tham gia 03 phần, bà H bỏ thăm hốt hụi ở lần khui thứ 3 (ngày 25/11/2021 âm lịch), lần khui thứ 4 (ngày 10/12/2021 âm lịch), chủ hụi giao tiền hụi đầy đủ. Sau khi hốt hụi, bà H đóng được 03 kỳ hụi chết thì ngưng không đóng nữa, 01 phần hụi còn lại bà H đóng được 07 kỳ hụi sống nhưng chưa hốt. Dây hụi này bà H còn nợ 17 phần hụi chết số tiền 34.000.000 đồng (1.000.000 đồng x 02 phần x 17 phần). Dây hụi đã mãn vào ngày 10/10/2022 âm lịch.

Bà H nợ bà tổng số tiền hụi chết chưa đóng của các dây hụi nêu trên là 1.297.000.000 đồng, khấu trừ số tiền hụi sống bà H đã đóng nhưng chưa hốt của 03 dây hụi thứ 13, 14, 17 số tiền là 61.000.000 đồng. Cụ thể: Dây hụi thứ 13 (02 phần x 06 phần x 3.000.000 đồng); dây hụi thứ 14 (03 phần x 06 phần x 1.000.000 đồng), dây hụi thứ 17 (07 phần x 1.000.000 đồng). Như vậy, bà H còn nợ bà số tiền hụi là 1.236.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà H còn nợ bà số tiền hụi của các dây hụi chơi trước đó, bà H có

viết giấy nợ đề ngày 09/10/2020 âm lịch số tiền 1.200.000.000 đồng. Khi làm đơn khởi kiện bà có trình bày đây là tiền vay, tuy nhiên bà xác định lại số tiền 1.200.000.000 đồng là tiền hụi của nhiều dây hụi mà bà H đã tham gia trước đó nhưng không đóng cộng dồn lại, không phải tiền vay.

Như vậy, tổng số tiền hụi chết bà H chưa đóng của các dây hụi nêu trên và tiền nợ hụi theo giấy nợ ngày 09/10/2020 âm lịch đến nay chưa trả cho bà số tiền 2.436.000.000 đồng.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Cao Văn N phải trả cho bà số tiền nợ hụi 2.436.000.000 đồng (gồm tiền hụi chết không đóng của 17 dây hụi nêu trên với số tiền 1.236.000.000 đồng và tiền nợ hụi trước đó chưa trả theo giấy nợ đề ngày 09/10/2020 âm lịch 1.200.000.000 đồng) và yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ hụi 1.200.000.000 đồng theo giấy nợ đề ngày 09/10/2020 âm lịch tính từ ngày 01/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng. Riêng tiền nợ hụi của 17 dây hụi nêu trên bà không yêu cầu trả lãi.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/12/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà thừa nhận có tham gia chơi rất nhiều dây hụi (18 dây hụi) do bà Nguyễn Thị Châu P làm chủ hụi. Bà không nhớ rõ cụ thể từng dây hụi, bà thừa nhận hiện tại còn nợ bà Châu P số tiền nợ hụi chưa trả là 1.200.000.000 đồng. Bà P có kêu bà viết giấy nợ tiền hụi. Bà không có vay tiền và nợ tiền bà P. Quá trình giải quyết vụ án bà không có ở nhà, bà đi làm thuê tại ấp T, xã P, Huyện T, tỉnh Cà Mau. Do đi làm thuê nên bà không nhận được giấy triệu tập của Tòa án. Bà tham gia các dây hụi với mục đích trả nợ và tiêu xài trong gia đình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2024/DS-ST ngày 03/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã áp dụng Điều 357, 471, 288 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 93, 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 16, 17, 24, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Châu P yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả tiền nợ hụi 1.236.000.000đ (Một tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Châu P yêu cầu bà Nguyễn Thị H, ông Cao Văn N trả tiền nợ hụi và tiền lãi.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Cao Văn N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Châu P số tiền nợ hụi 1.618.320.000đ (Một tỷ sáu trăm mười tám triệu ba trăm hai chục nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ gốc 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng) và tiền lãi 418.320.000đ (Bốn trăm mười tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/6/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Châu P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đối với số tiền bà H còn nợ của 17 dây hụi, nguyên đơn cung cấp chứng cứ gồm các bảng hợp đồng hụi, giấy xác nhận của các hụi viên thể hiện bà H có tham gia các hụi, đã hốt hụi. Việc bà H không đóng tiền hụi chết là vi phạm nghĩa vụ của hụi viên. Do đó, nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Châu P là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Châu P, giữ nguyênBản án sơ thẩm số: 70/2024/DS-ST ngày 03/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Châu P; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt bà H, ông N.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà P căn cứ giấy nhận nợ ngày 09/10/2020 âm lịch, các bảng hợp đồng hụi và các giấy xác nhận của hụi viên cho rằng bà H nợ bà tổng cộng 2.436.000.000 đồng.

Tuy nhiên, theo Biên bản ghi lời khai ngày 15/12/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, bà H trình bày *"tôi có tham gia chơi 18 dây hụi do*

Nguyễn Thị Châu P làm chủ, cụ thể từng dây hụi tôi không nhớ rõ. Hiện tại, tôi còn thiếu nợ P tổng cộng số tiền là 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Do tôi nợ tiền hụi của P trong 18 dây hụi tôi tham gia chơi do P làm chủ hụi nên vào tháng 11 năm 2021 âm lịch, C kêu tôi ký giấy nhận nợ với P với tổng số tiền nợ 1.200.000.000 đồng". Đồng thời, giấy nhận nợ đề ngày 09/10/2020 âm lịch do nguyên đơn bà P cung cấp có nội dung: "*Bà S. Có thiếu Châu Pha một tỷ hai trăm triệu. Bà S. Nguyễn Thị H. Thạnh Phước 9-10-2020 (AL). Bà 6 có thiếu Châu Pha số nợ nêu trên"*. Mặc dù, nội dung này không thể hiện rõ bà H nợ bà P tiền gì, nếu là tiền hụi thì của các dây hụi nào nhưng từ các chứng cứ nêu trên có căn cứ xác định bà H thừa nhận có nợ bà P số tiền hụi 1.200.000.000 đồng và có ký nhận nợ đối với số tiền này. Sự thừa nhận của bà H là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên cấp sơ thẩm buộc bà H và ông N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số tiền 1.200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là có căn cứ. Ngoài ra, bà H không thừa nhận có nợ bà P số tiền nào khác.

Đối với số tiền nợ hụi còn lại 1.236.000.000 đồng, nguyên đơn bà P phải có nghĩa vụ chứng minh bà H có nợ bà số tiền này. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, bà P trình bày khi chơi hụi các bên không có lập thành lập văn bản, giao tiền hụi không có ký tên nhận tiền, không có chứng cứ nào để chứng minh bà H còn nợ tiền hụi tổng cộng 2.436.000.000 đồng. Đối với các giấy xác nhận của 24 hụi viên do bà P giao nộp thì chỉ có nội dung thể hiện bà H có tham gia các dây hụi, có hốt hụi nhưng không thể hiện được quá trình giao dịch giữa chủ hụi là bà P với hụi viên là bà H (việc giao tiền hốt hụi, việc đóng tiền hụi chết) nên không có cơ sở cho rằng bà H có nợ bà P số tiền hụi 1.236.000.000 đồng. Ngoài ra, bà P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 1.236.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với các nội dung khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét lại.

Từ những nhận định trên, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Châu P phải chịu án phí. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Châu P là người khuyết tật nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Châu P;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 70/2024/DS-ST ngày 03/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 357, 471, 288 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 93, 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 16, 17, 24, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Châu P về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả tiền nợ hụi 1.236.000.000đ (Một tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu đồng).

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Châu P yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn N trả tiền nợ hụi và tiền lãi.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Cao Văn N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Châu P số tiền nợ hụi 1.618.320.000 đồng (Một tỷ sáu trăm mười tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng), tiền lãi là 418.320.000đ (Bốn trăm mười tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Châu P được miễn.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Cao Văn N phải liên đới chịu 60.549.600đ (Sáu mươi triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

[3.2] Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Châu P được miễn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Đức